

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuân

2. Bà Trần Thị Hằng Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: số 144/34 Thủ KH, phường A, thành phố T, tỉnh Long An; là nguyên đơn.

2. Bị đơn: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1959

Địa chỉ: số 47/1 NH, phường A, thành phố T, tỉnh Long An; là bị đơn.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà và ông Bùi Đức Q tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), vào

ngày 17 tháng 6 năm 1980. Sau khi chung sống được hơn một năm, năm 1982 ông Q bỏ nhà đi cho đến nay không có tung tích gì. Bà T đã thực hiện mọi biện pháp để tìm kiếm tin tức của ông Q, nhưng vẫn không có liên lạc được với ông Q. Ngày 22/12/2022 bà T đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An đề “Yêu cầu tuyên bố mất tích” đối với ông Q. Ngày 16/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã ra Quyết định số 04/2023/QĐST-DS về việc tuyên bố ông Bùi Đức Q, nơi cư trú cuối cùng: Số 47/1 đường NH, phường A, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An mất tích. Khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Bùi Đức Q.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Bùi Đức Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Q không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Gia đình của ông Q đã nhận các giấy tờ của Tòa án và xác định không biết hiện tại ông Q đang cư trú ở đâu. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy sau khi bà T và ông Q kết hôn thì ông Q đã bỏ bà T đi từ năm 1982 đến nay vẫn không liên lạc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc T nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Bùi Đức Q có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Bùi Đức Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), vào ngày 17 tháng 6 năm 1980, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Q được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Bùi Đức Q bỏ nhà đi từ năm 1982 cho đến nay không có tung tích gì. Ngày 16/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã ra Quyết định số 04/2023/QĐST-DS về việc tuyên bố ông Bùi Đức Q, nơi cư trú cuối cùng: Số 47/1 đường Nguyễn Huệ, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An mất tích. Ông Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà T xin ly hôn với ông Q tại Tòa án nhưng ông Q không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà T xác định không còn tình cảm với ông Q vì ông Q đã bỏ đi nhiều năm nay và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng minh quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông Q.

[2.3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 11 và Điều 26 Nghị quyết 326. Bà T có đơn xin miễn án phí và thuộc đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 11 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T xin ly hôn với ông Bùi Đức Q.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Bùi Đức Q .

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T được miễn án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP. Tân An;
- Chi cục THADS TP. Tân An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Thu Hương